

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ- ST
Ngày : 27-6-2025
V/v tranh chấp: Không công
nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Đức Minh**

2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 257/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Không công nhận là vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 3, xã LP, huyện B, tỉnh L

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 3, xã LP, huyện B, tỉnh L

Bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/9/2024, nộp tại Tòa án ngày 27/9/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Bà B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông Nguyễn Thành T chung sống như vợ chồng từ năm 1995, chung sống tự nguyện, tuy nhiên cả hai không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi chung sống với nhau đến nay thì chủ yếu sinh sống tại Thôn 3, xã LP, huyện B, tỉnh L. Quá trình chung sống, cả hai không hạnh phúc. Bà B cho rằng ông T thường xuyên đập phá đồ đạc, hạnh hạ, chửi bới, đánh đập bà. Những năm gần đây ông T thường chửi bới nhục mạ bà nhiều hơn, đập phá tài sản, nhà cửa. Nay tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung, Bà B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà với

ông T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống Bà B và ông T có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Bảo T1, sinh năm 2001. Nay các con đã trên 18 tuổi, tự lao động được nên Bà B không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà B và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà B và ông T không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà B yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/3/2025 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Thành T là vợ chồng. Về con chung không xem xét, giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thành T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị B chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Thành Trang nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà B khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Thành T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận là vợ chồng*” được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Thành T chung sống tự nguyện từ năm 1994 đến nay không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống cả hai có con chung tuy nhiên đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà B trình bày ông T chửi bới, đánh đập bà, đập phá đồ đạc trong nhà. Những năm gần đây sự việc trên xảy ra thường xuyên, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài. Bà B yêu cầu giải quyết chấm dứt việc sống chung như vợ chồng với ông T. Ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến làm việc. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm b khoản 2 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000, cần xử không công nhận bà Nguyễn Thị B với ông Nguyễn Thành T là vợ chồng là đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời khai của Bà B, các bản khai sinh Bà B nộp tại Tòa án thì quá trình chung sống Bà B và ông T có hai con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Bảo T1, sinh năm 2001. Nay các con chung của Bà B và ông T đã trên 18 tuổi, tự lao động được, Bà B không yêu cầu gởi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà B trình bày bà và ông T không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà B trình bày bà và ông T không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm b khoản 2 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Nguyễn Thành T về việc “*Không công nhận là vợ chồng*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Thành T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Bà B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007272 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy

